

VĂN HOÁ SINH TIÊU VÀ NĂM ĐINH HỢI

NHẬT HOA

Nguồn gốc của văn hoá sinh tiêu

Quan niệm văn hoá sinh tiêu được lưu hành rộng rãi trong dân gian Việt Nam, Trung Hoa và một số nước khác trong khu vực Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... Đến nay, văn hoá sinh tiêu đã trở thành một bộ phận văn hoá rất phong phú và đa dạng trong nền văn hoá truyền thống của các dân tộc trong khu vực này.

Các nhà nghiên cứu đã cố gắng tìm hiểu nguồn gốc của văn hoá sinh tiêu, song cho đến nay vẫn rất khó đoán định về vấn đề đó. Về thực chất, 12 sinh tiêu vốn được dùng để tính vị trí năm trong không gian theo một chu kỳ lặp là 12 năm, do vậy các sinh tiêu được người xưa đưa vào lịch pháp (như Lịch Âm Dương mà dân gian quen gọi là lịch Âm hiện đang dùng ở nhiều nước khu vực Đông Nam Á) và trong kiến thức của thiên văn cổ đại. Không những thế, văn hoá sinh tiêu còn liên quan đến nhiều lĩnh vực như: ngôn ngữ học, văn tự học, văn học, động vật học, mỹ học, hội hoạ, dân tộc học...

Mười hai sinh tiêu được người xưa gọi với những khái niệm khác nhau là 12 thú, 12 ly, 12 thân, 12 vật, 12 trùng. Còn dân gian gọi 12 sinh tiêu là 12 thuộc tương. Chữ sinh là chỉ năm sinh

của người, chữ tiêu cũng đồng ý tưởng như vậy. Để biểu thị cho các sinh tiêu thời gian như năm, người xưa đã dùng hình tượng các con vật, khởi đầu là năm Tý (chuột), sau đó là Sửu (trâu), Dần (hổ), Mão (thỏ hoặc mèo), Thìn (rồng), Tỵ (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Dậu (gà), Tuất (chó), Hợi (lợn), rồi lại tiếp vào năm Tý. Các tháng trong năm, các ngày trong tháng, các giờ (12 giờ) trong ngày cũng diễn trình theo thứ tự lặp này. Ngày nay ở Việt Nam, Trung Quốc, khi người ta hỏi nhau về sinh tiêu một người, là có thể biết được tuổi tác của nhau, thậm chí còn “khái quát cuộc đời” người đó trong những năm sinh tiêu tiếp theo.

Phải chăng sinh tiêu là sự sùng bái tô tem của người cổ đại?

12 sinh tiêu là 12 loài động vật, ngoài rồng là con vật tưởng tượng, thì các con còn lại là quen thuộc với con người. Điều này đã đặt ra câu hỏi: có phải sinh tiêu được hình thành từ sự sùng bái tô tem của các dân tộc thời cổ đại không? Điều này, cho đến nay vẫn còn tồn nghi, chưa có kết luận chính xác. Nhà nghiên cứu dân tộc học Trung Quốc Lưu Nghiêu Hán cho rằng: *Lịch pháp 12 con thú được hình thành từ nhu cầu sản xuất, mà từ đó có nguồn*

gốc sự sùng bái tô tem nguyên thủy. Một số quốc gia cổ văn minh khác, cũng độc lập sáng tạo ra lịch pháp dựa trên 12 con thú trên cơ sở sùng bái tô tem và nền sản xuất nguyên thủy.

Vương Sung, một trí giả nổi tiếng đời Hán, trong tác phẩm Luận Hành Thiên Tự nhiên cũng đề cập đến sinh tiêu. Ông viết: “Sau tết Nguyên đán 8 ngày là tiết thanh minh, như ngày mồng một là ngày gà, mồng 2 là ngày chó, mồng 3 là ngày lợn, mồng 4 là ngày dê, mồng 5 là ngày trâu, mồng 6 là ngày ngựa, mồng 7 là ngày người, mồng 8 là ngày lúa gạo...”

Trong tác phẩm Thái Bình ngự lãm, quyển 13 cũng của đời Hán viết: “Thuở đất trời sơ khai, ngày đầu tiên là ngày gà...”. Đây chính là lối tư duy sơ khai của loài người. Thời kỳ này, động vật là nguồn thức ăn chính của các công xã thị tộc. Khi đó các thành viên trong thị tộc đã liên hệ vận mệnh bản thân với động vật tự nhiên, đây chính là cơ sở để hình thành văn hoá sinh tiêu.

Trong Sử Ký nổi tiếng của Tư Mã Thiên, thiên Ngũ Đế bản kỷ có ghi chuyện Hoàng Đế dạy các loài động vật hoang dã chiến đấu chống lại Viêm Đế. Các nhà nghiên cứu cho rằng, đây chính là sự tô tem của một số bộ lạc thị tộc nhỏ trong mối liên hợp với Hoàng Đế. Trung Quốc ngày nay, dân tộc Di lấy tên các loài động vật để đặt tên cho các phố phường. Đây cũng là minh chứng 12 sinh tiêu hình thành từ sự sùng bái tô tem trong xã hội nguyên thủy.

Văn hoá sinh tiêu trên thế giới

Dường như lịch sử phát triển của mọi dân tộc trên thế giới đều trải qua thời kỳ sùng bái tô tem, mà thời điểm

hình thành thường được coi là thời kỳ xã hội nguyên thủy.

Người phương Tây từ xưa tới nay rất thích so sánh ngày sinh tháng đẻ của mình đối chiếu với các chòm sao trên trời để đoán định tính cách và vận mệnh bản thân. Điều này được hình thành từ văn hoá 12 cung hoàng đạo có ngay từ thành Babilon cổ đại. Tại cổ thành này, cũng có 12 sinh tiêu xếp theo thứ tự: mèo, chó, rắn, bộ hung, lừa, sư tử, dê đực, bò đực, chim ưng, khiếu, hạc đỏ, cá sấu.

Ai Cập và Hy Lạp cổ đại cũng có văn hoá sinh tiêu với các loài động vật là: trâu, dê, nhím, sư tử, lừa, cua, rắn, chó, mèo, cá sấu, hạc đỏ, vượn, chim ưng.

Ấn Độ cũng có 12 sinh tiêu, đó là: chuột, trâu, sư tử, thỏ, rồng, rắn, ngựa, dê, khỉ, chó, hổ, lợn,

12 sinh tiêu của Việt Nam giống như 12 sinh tiêu của Trung Quốc, nhưng khác ở chỗ, ở Việt Nam có mèo, ở Trung Quốc vị trí này là thỏ.

Lịch lấy biểu tượng thú của Mexico cũng có khái niệm về sinh tiêu, có 6 sinh tiêu là: hổ, thỏ, rồng, khỉ, chó, lợn. Người Maya châu Mỹ khi nhận thức về thời gian có thuyết 13 cung hoàng đạo, trong đó có các cung lấy động vật làm biểu thị như: rắn đuôi kền kền, rùa biển, tôm, cua... Cho đến nay, người ta vẫn chưa giải thích được vì sao lại có sự trùng hợp ngẫu nhiên của tên các cung hoàng đạo này với tên của các sinh tiêu trong 12 sinh tiêu mà nhiều nước đang dùng.

Như vậy, văn hoá sinh tiêu có quan hệ mật thiết với lịch pháp của nhiều dân tộc trên thế giới. Tại Trung Hoa và Việt Nam cổ xưa, thông qua các sinh

tiêu năm sinh mà người ta còn đoán định số phận con người, điều mà các nhà nghiên cứu hiện đại gọi là thời sinh học.

Năm Bính Tuất sắp qua, năm Đinh Hợi sẽ đến, qua văn hoá sinh tiêu, người ta cũng phần nào khái quát được một số điều có liên quan đến sinh tiêu Hợi hay lợn.

Khi nói đến năm Hợi, người ta hình dung đến loài lợn...

Dù bất cứ ai, khi nói đến lợn là người ta nghĩ ngay đến con vật rất phàm ăn và lười nhác. Hẳn chắc vì lẽ này, mà hình tượng Trư Bát Giới trong truyện Tây Du Ký của tác giả Ngô Thừa Ân đời nhà Minh Trung Hoa cổ đại là một biểu tượng rất thú vị về lợn!

Lợn nhà được thuần dưỡng từ lợn rừng, theo các nhà nghiên cứu, lịch sử lợn nhà đã có cách đây hơn 6.000 năm.

Hiện tại trên thế giới có rất nhiều giống lợn có giá trị thực phẩm cao do qua lai tạo hoặc thụ tinh nhân tạo. Có loài lợn nuôi lấy thịt, có loài nuôi để đẻ con. Loài lợn lai của Mỹ có thân mình màu đen, thân dài, mũi và đuôi màu trắng, thịt có giá trị dinh dưỡng cao, được xuất khẩu tới nhiều nước trên thế giới. Ngoài ra, trên thế giới còn có các loài lợn cho thịt có giá trị xuất khẩu lớn như loài lợn của Anh, Tân Tây Lan, Nhật Bản, Australia, Nga...

Ở Việt Nam xưa có giống lợn ỷ Nam Định thân nhỏ, lưng vồng, lông màu đen tuyền, tuy không cho năng suất thịt cao, nhưng hương vị thịt rất thơm ngon, có lẽ vào loại nhất thế giới! Hiện nay, ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng người ta bắt gặp quán ăn có biển đề

“Heo mọi”, hẳn chắc đây có các món ăn là thịt lợn và là lợn ỷ Nam Định!

Hình tượng lợn trong phong tục tập quán của người Trung Hoa, Việt Nam

Đa số các dân tộc trên đất Việt Nam, Trung Hoa từ xưa tới nay đều ăn thịt lợn và ăn nhiều hơn tất cả các loại thịt thú khác. Chính vì vậy, hình tượng con lợn có quan hệ mật thiết với phong tục và sinh hoạt của người dân.

Lợn là một loại thực phẩm chính để cúng tế và ăn tết đối với người Việt Nam, Trung Hoa. Trong vòng từ giữa tháng Chạp đến 30 tết, nhà nào cũng giết lợn. Có nhiều gia đình còn có phong tục nuôi chung một con lợn để mổ thịt vào dịp tết.

Mỗi năm tại các làng quê Việt Nam, trong hai kỳ Xuân, Thu có tuần đại tế, gọi là tế kỳ phúc, nghĩa là cầu cho dân được bình an. Trước ngày tế khá lâu, tùy theo phong tục từng làng, người ta cử một gia đình nuôi một con lợn bằng thức ăn sạch tinh (cám, cơm, rau sạch), nuôi trong môi trường sạch sẽ để sau đó mổ thịt làm đồ tế lễ kỳ phúc. Người ta gọi vật nuôi này với cái tên trang trọng là “Ông ỷ”.

Trong các lễ cưới gả của các dân tộc ít người ở Việt Nam, thịt lợn là món thách cưới chính. Như người Mường, hôm lễ cưới (Tì cháu), nhà trai phải mang đến 2 con lợn (khoảng 100 kg); người Tày là 100kg thịt lợn, không thiếu một cân, nếu thiếu phải bù vào cho đủ số; người Sán Chỉ, ngày lễ báo cưới (trước ngày cưới chính thức 2 tháng) nhà trai phải mang đến nhà gái 100kg thịt lợn móc hàm.

Om lợn to là phong tục lưu truyền ở nhiều vùng quê Việt Nam, Trung Hoa

xưa. Vào đêm giao thừa, người nông dân ra đồng ôm hai hòn đất mang về đặt trong nhà và cắm cành tre lên. Truyền thuyết cho rằng, làm như vậy thì sang năm mới nuôi lợn sẽ nhanh lớn, chóng béo.

Hình tượng lợn trong nghệ thuật dân gian

Trong dân gian xưa, để có một khoản tiền tiết kiệm, người ta thường bỏ tiền vào một con lợn đất sơn màu vàng đỏ, người xưa còn gọi là *Phốc măn*. Khi tết đến, họ mang con lợn đất đập ra để lấy tiền. Phương pháp đựng tiền bằng con lợn đất đã có từ xa xưa. Thời nay, “con lợn tiết kiệm” thay vì bằng đất mà bằng nhựa, chân ngắn, bụng to, để giữ được nhiều tiền.

Tranh Tết và tranh cắt giấy thời cổ đại thường có đề tài về lợn. ở Trung Quốc có tranh vẽ theo một khuôn đề tài là “Phì trư củng môn” (lợn béo chậ cửa) phát hành nhiều ở vùng Hà Bắc, là vật trang trí chủ yếu trong ngày tết của dân gian xứ này. Ở Việt Nam, là tranh lợn vẽ màu sắc tươi sáng, béo, đẹp, cân đối của các nghệ nhân làng Hồ, Bắc Ninh, đây cũng là vật trang trí trong từng nhà thời xa xưa mỗi khi tết đến để mong cầu sự “phì gia”.

Ở Trung Hoa cổ xưa, đồ chơi cho trẻ em có nhiều thứ được tạo hình bằng lợn. Các nhà khảo cổ học đã đào được tượng lợn bằng gốm sớm nhất ở di chỉ Hà Mẫn Độ, tỉnh Triết Giang, là đồ chơi của người nguyên thủy thời đồ đá mới. ở vùng Vũ Xương, người ta còn đào được tượng lợn ở tư thế nằm thời Đường.

Ngày nay, người ta còn lưu giữ những hiện vật dùng hàng ngày, có hình dáng giống lợn. Tại Ninh Dương tỉnh Sơn Đông Trung Quốc, người ta đào

được một đồ gốm hình lợn, có 4 chân vững chắc, rỗng trong, trên lưng có lỗ thải. Đây là vật để đựng chất lỏng, được tạo hình đơn giản.

Cũng tại Trung Quốc, vùng Tương Đàm, Hồ Nam, người ta còn đào được chiếc chén đồng hình lợn có niên đại từ thời Ân Thương, cách nay hơn 4.000 năm. Hình lợn của chén được chế tác rất tinh xảo. Tại huyện Mật, Hà Nam, các nhà khảo cổ học Trung Quốc còn đào được tranh tượng đời Hán, có hình hồ lợn vờn nhau.

Con lợn trong thành ngữ, tục ngữ

Dường như hình tượng lợn không được hay lắm, người ta thường dùng hình tượng lợn để chỉ diêm không hay hoặc thói xấu của người đời. Như tục ngữ có câu “Lợn đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giàu”, hoặc “Chó đến nhà thì giàu, mèo đến nhà thì quý, lợn đến nhà thì khó”.

Câu thành ngữ “*Trư Bát Giới ăn củ nhân sâm hoàn toàn không biết mùi vị*”, là câu dùng để châm biếm những người thô lỗ, vai u thịt bắp, ăn tục uống phàm. Hoặc câu “*Trư Bát Giới cầm ngược đỉnh ba*” có hàm ý chê người đui lý mà vẫn cứ cãi ngang. Câu “*Trư căn trư thân, cẩu căn cẩu thân*” nghĩa là: lợn thân với lợn, chó thân với chó. Câu này tương tự như câu: người tầm người, mã tầm mã.

Ngoài ra có một số câu tục ngữ khác có liên quan đến lợn, như: *Trư ty tử sát thông trang tượng* (cắm hành vào mũi heo để giả làm voi), ý chế nhạo những người không biết mình là ai; hoặc câu: *Trư giả nhục tiện* (nhiều heo thì thịt rẻ) ý nói thứ gì mà nhiều thì không quý...

Dân gian xưa cũng lấy hình tượng lợn qua các câu thành ngữ để răn đời,

như câu: *Trư khôn trưởng nhục, nhân khôn nại ốc*, nghĩa là lợn ngủ thì tăng trọng nhanh, người ngủ nhiều thì bán nhà nhanh, ý chỉ những người lười biếng thì rồi cũng không nhà; hay câu: *Một ngật quá trư nhục, hoàn một thỉnh quá trư khiếu* (chưa ăn thịt lợn lẽ nào nghe được tiếng lợn kêu) ý nói làm người cũng nên có chút hiểu biết, lẽ nào lại mù tịt...

Lợn trong văn hoá ẩm thực

Trên thế giới cũng có nơi người ta không ăn thịt lợn, vì cho rằng loài lợn sống không được sạch sẽ. Nhưng hầu như các dân tộc trên khắp thế giới đều dùng thịt lợn làm món ăn chính hàng ngày. Người Trung Hoa xưa coi lợn là thành phần chính trong 6 con vật (lục súc: bò, trâu, cừu, dê, chó, lợn) được người chăn nuôi. Có thời, thịt lợn là “đặc sản” quý dành riêng cho một tầng lớp nào đó, như cách nay gần 3.000 năm, thời Tiên Tần Trung Hoa cổ đại, thịt lợn là một trong 8 món ăn quý của cung đình, chỉ có thiên tử nhà Chu và các quần thần được hưởng, còn thứ dân không đến lượt. Theo sách *Luận ngữ*, một cuốn sách cổ của Trung Hoa cổ đại có viết: “*Gia thân Dương Hoá của Lý Thị muốn mời Khổng Tử đến để bái kiến, nhưng ông không đến. Thế là Dương Hoá giả như không biết Khổng Tử không có nhà, vẫn cho người mang biếu Khổng Tử một con lợn nhỏ đã nướng chín, vì theo lễ thì nếu Khổng Tử nhận được quà biếu tất phải đến cảm tạ...*”. Như vậy, thời Khổng Tử, thịt lợn là một món quà quý. Ngay trong sách *Lễ Ký* cũng của Trung Hoa cổ đại viết:

“*Chư hầu không được giết trâu, đại phu (một chức quan lớn trong triều) không được giết dê, kẻ sỹ không được giết chó, lợn*”. Khổng Tử chỉ là kẻ sỹ, nên để ăn thịt lợn không phải là dễ.

Thời hiện đại, từ thịt lợn người ta chế biến ra nhiều món ăn ngon. Để chống béo phì, người ta tạo ra những giống lợn cho nhiều nạc (giống siêu nạc), nhưng tại Malaysia, thịt lợn ba chỉ lại đắt hơn thịt nạc, với lý do loại thịt này chế biến ra được nhiều món, trong khi đó thịt nạc thì không!

Người tuổi Hợi sang năm Hợi

Theo các nhà mệnh lý xưa, năm Hợi người tuổi Hợi có sao “Thiên giải, Bát toạ” chiếu mệnh, mà hai sao này lại có “sức mạnh” hoá giải hung hiểm. Cũng theo các nhà mệnh lý xưa, đối với tuổi Hợi sự may mắn trong năm này đến không nhiều, cho nên trong cuộc sống không nên “công” mà dùng sách lược sống “vong hình”, tức là quên đi bản thân mình thì nhiều điều hay sẽ đến. Dĩ nhiên, đây chỉ là những quan niệm thuộc lĩnh vực văn hóa tâm linh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Cố Thành. Hiệp kỷ biện phương thư. Tp.: Mũi Cà Mau, 2002.
2. Bùi Hữu Cường. Kinh nghiệm làm giàu của những người nổi tiếng. H: Văn hóa thông tin, 2004.
3. Đoàn Nguyên Minh. Phong tục nghi lễ dân gian. H.: Văn hóa dân tộc, 2005.
4. Phan Kế Bính. Việt Nam phong tục. H.: Văn hóa thông tin, 1999.